

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Mẫu biểu số 60

(Ban hành kèm theo Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính)

CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

Phần thu		Tổng số	Thu NS cấp tỉnh	Thu NS cấp huyện	Thu NS xã	Phần chi		Tổng số	Chi NS cấp tỉnh	Chi NS cấp huyện	Chi NS xã
1		2	3	4	5	6		7	8	9	10
Tổng số thu						Tổng số chi					
A	Tổng thu cân đối ngân sách	26,116,015	13,811,081	9,562,241	2,742,693	A	Tổng số chi cân đối ngân sách	25,307,020	13,288,161	9,475,300	2,543,559
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	7,699,000	4,707,924	1,984,509	1,006,567	1	Chi đầu tư phát triển	5,581,419	3,005,098	1,691,028	885,293
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	4,406,550	3,387,914	958,150	60,486	2	Chi thường xuyên	7,964,602	2,125,435	4,788,626	1,050,541
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	-				3	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1,000	1,000	-	-
4	Thu kết dư năm trước	442,744	50,456	223,055	169,233	4	Chi chuyển nguồn	5,249,082	3,084,586	1,740,175	424,321
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang	3,079,558	1,519,555	1,307,168	252,835	5	Các khoản chi quản lý qua ngân sách	17,782	9,700	1,899	6,183
6	Thu từ cấp dưới nộp lên	177,221	-	177,221	-	6	Chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách	6,342,931	4,912,138	1,253,572	177,221
7	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	10,211,800	4,046,090	4,912,138	1,253,572	7	Chi nộp ngân sách cấp trên	150,204	150,204	-	-
	Tr.đó: - Bổ sung cân đối ngân sách	5,792,060	2,699,915	2,596,281	495,864	8					
	- Bổ sung có mục tiêu	4,419,740	1,346,175	2,315,857	757,708	9					
8	Thu vay của ngân sách địa phương	99,142	99,142					-	-		
Kết dư ngân sách năm quyết toán = (thu - chi)		808,995	522,920	86,941	199,134						